TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18/6/2024.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh On.

2. Ông Lâm Thái Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Hoàng Kha, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Danh Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 76/2024/TLST–HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Kiều D, sinh năm 1991 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1989 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã L huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1964 và bà Bùi Thị N, sinh năm 1971 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 01 năm 2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lâm Thị Kiều D trình bày: Chị và anh B xây dựng hôn nhân vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống, có hai người con chung là cháu Nguyễn Kim H, sinh ngày 15/3/2011 và cháu Nguyễn Kim T, sinh ngày 27/6/2016. Hiện nay hai cháu đang sống cùng ông D, bà N. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình chung sống, chị và anh B không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh B không tu chí làm ăn mà thường xuyên chơi bời, không lo cho vợ con khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn. Chị và anh B đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay mà không có biện pháp gì hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Vì vậy, nay chị yêu cầu ly hôn với anh B. Về con chung, chị tôn trọng nguyện vọng của các con, nếu các con chọn sống cùng chị thì chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn anh Nguyễn Văn B từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, anh B đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, Tòa án có đến nhà anh B để tiến hành lấy lời khai nhưng không gặp anh B nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị N trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2024: Ông bà là cha mẹ của anh B và là cha mẹ chồng của chị D. Sau khi chị D và anh B xây dựng hôn nhân thì không sống chung với ông bà mà đi làm xa, khi nào gia đình có việc mới về. Tuy nhiên, gần đây chị D và anh B xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc nên không còn sống chung với nhau nữa. Hiện nay, cháu H và cháu T đang sống cùng ông bà. Khi Toà án thụ lý vụ án thì anh B vẫn đang ở nhà và biết việc chị D yêu cầu ly hôn. Tuy nhiên, anh B đã đi làm từ tháng 4 năm 2024 và để các con lại cho ông bà chăm sóc. Nếu Toà án giao cháu H và cháu T cho chị D thì ông bà cũng không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh B. Về con chung, buộc anh B, ông Dũng và bà N giao cháu Nguyễn Kim H, sinh ngày 15/3/2011 và cháu Nguyễn Kim T, sinh ngày 27/6/2016 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, chị D không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị D phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Lâm Thị Kiều D nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Khi khởi kiện, anh B có địa chỉ tại ấp T, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý, giải quyết là

đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Lâm Thị Kiều D có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị N đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh B, ông D và bà N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Lâm Thị Kiều D và anh Nguyễn Văn B tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2010, quyển số 01 ngày 28 tháng 12 năm 2010 nên hôn nhân giữa chị D và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Chị Lâm Thị Kiều D xác định quá trình chung sống, chị và anh B không cùng quan điểm sống nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn được. Đồng thời, chị và anh B đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay mà không có biện pháp gì hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Tại biên bản xác minh ngày 07 tháng 5 năm 2024, ông Lê Văn Khoa là Trưởng ấp T, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu xác định "thời *điểm Toà án thụ lý yêu cầu ly hôn của chị D thì anh B vẫn có mặt tại địa phương và biết việc chị D yêu cầu ly hôn. Ông Khoa không rõ về tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh B, chỉ biết hiện nay họ đang sống ly thân. Cháu H và cháu T đang sống cùng ông bà nội"*. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị D và anh B đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh B biết chị D yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến và cũng không thể hiện thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị D, điều này thể hiện thông qua việc Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh B để hòa giải, xét xử nhưng anh B có thái độ bỏ mặc không đến hòa giải và xét xử. Do đó, chị D yêu cầu được ly hôn với anh B là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, cháu Nguyễn Kim H, sinh ngày 15/3/2011 và cháu Nguyễn Kim T, sinh ngày 27/6/2016. Hiện nay hai cháu đang sống cùng ông D, bà N. Khi ly hôn chị D tôn trọng nguyện vọng của hai cháu, nếu hai cháu chọn sống cùng chị thì chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đảm bảo điều kiện cho con chưa thành niên. Theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 25 tháng 3 năm 2024, cháu H và cháu T đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Đồng thời, hiện nay anh B cũng đã đi làm xa, không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu. Ông D và bà N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu cũng không có ý kiến gì về việc hai cháu lựa chọn sống cùng chị D. Do vậy, cần buộc anh B, ông D và bà N giao cháu H và cháu T cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt

ra xem xét. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lâm Thị Kiều D xác định quá trình chung sống, chị và anh B không có và chị D, anh B cũng không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Lâm Thị Kiều D phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lâm Thị Kiều D với anh Nguyễn Văn B. Xử cho chị Lâm Thị Kiều D được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Nguyễn Kim H, sinh ngày 15/3/2011 và cháu Nguyễn Kim T, sinh ngày 27/6/2016 cho chị Lâm Thị Kiều D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Buộc anh Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị N giao cháu Nguyễn Kim H, sinh ngày 15/3/2011 và cháu Nguyễn Kim T, sinh ngày 27/6/2016 cho chị Lâm Thị Kiều D.

Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lâm Thị Kiều D không yêu cầu anh Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lâm Thị Kiều D xác định không có, chị Lâm Thị Kiều D và anh Nguyễn Văn B đều không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Lâm Thị Kiều D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Lâm Thị Kiều D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0007579 ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- UBND xã L, huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Lệ Thu